

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

VŨ THỊ HỒNG DIỆP*

Trong quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc xác định mục tiêu phát triển cũng như ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh. Bài viết phân tích kinh nghiệm quản lý của một số quốc gia về nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và rút ra những giá trị mà Việt Nam có thể tham khảo nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh trong thời gian tới.

Từ khóa: Nông nghiệp xanh; tăng trưởng xanh; quản lý nhà nước; kinh nghiệm quốc tế; nông nghiệp bền vững; giá trị tham khảo.

In the process of transitioning to a green growth-oriented agricultural development model, the State plays a crucial role in determining development goals as well as enacting and implementing policies to promote green growth in agriculture. The article analyzes the agricultural management experience of several countries in pursuing green growth and derives valuable insights that Vietnam can refer to in order to improve state management of agriculture towards green growth in the future.

Keywords: Green agriculture; green growth; state management; international experience; sustainable agriculture; valuable insights.

NGÀY NHẬN: 15/11/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/12/2024

NGÀY DUYỆT: 14/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.349.2025.1106>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tài nguyên dần cạn kiệt, đa dạng sinh học bị suy giảm, ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng, biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, nhiều quốc gia lựa chọn tăng trưởng xanh là mô hình phát triển để giải quyết đồng thời những vấn đề trên. Những ý tưởng về nền kinh tế xanh thỏa mãn nhu cầu tăng trưởng kinh tế và giải quyết

được những thách thức về môi trường đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập từ khá sớm. Hầu hết các nghiên cứu đều thống nhất quan điểm, xu hướng phát triển kinh tế xanh tập trung vào 3 trụ cột chính, là công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

Nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay đối

* ThS, Trường Đại học Thành Đông

mặt với nhiều nguy cơ, như: diện tích canh tác bị thu hẹp do đô thị hóa, thiếu hụt nguồn nhân lực, biến đổi khí hậu, cạnh tranh thị trường từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Vì vậy, phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh cần được xem như một trong những giải pháp quan trọng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và Nhà nước có vai trò quan trọng trong xác định mục tiêu phát triển cũng như ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh.

2. Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý nhà nước về nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh

2.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Mặc dù ngành Nông nghiệp chỉ đóng góp 1,0 % tổng GDP năm 2020 của Nhật Bản, với khoảng 2 triệu lao động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư - thủy sản (chiếm 1,6 % dân số), nhưng năm 2021, Chính phủ Nhật Bản vẫn chi tới hơn 50 tỷ USD để hỗ trợ nền nông nghiệp phát triển². Đặc trưng của nông nghiệp tăng trưởng xanh tại Nhật bản là: (1) Nông nghiệp thông minh chủ yếu sử dụng công nghệ để lên kế hoạch và quản lý mùa màng một cách hiệu quả hơn. Việc này bao gồm áp dụng hình ảnh vệ tinh để xác định đặc tính của đất, theo dõi quá trình phát triển của cây trồng, ước tính sản lượng và phân tích dữ liệu về thời tiết để điều chỉnh quản lý mùa vụ. (2) Nông nghiệp tự động, được thực hiện trên cơ sở áp dụng công nghệ tự động hóa trong các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp giúp Nhật Bản giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động nông nghiệp.

Chính phủ Nhật Bản có vai trò rất lớn trong việc định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, được thể hiện ở một số điểm sau:

(1) Xây dựng chiến lược phát triển ngành Nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh.

Tháng 7/2014, Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp Nhật Bản công bố chiến lược cải cách nông nghiệp nhằm thay đổi hoàn toàn bộ

mặt ngành Nông nghiệp nước này trong vòng 10 năm tới. Chiến lược cải cách nông nghiệp mới đã đánh dấu sự chuyển hướng dứt khoát của Nhật Bản từ ưu tiên sản xuất sang tiêu thụ. Chính phủ Nhật Bản cũng chủ trương hoàn chỉnh hệ thống phân phối, tăng cường sử dụng công nghệ sạch và robot trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường xuất khẩu lương thực đã qua chế biến và gia tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng nông nghiệp. Từ sự định hướng trong chiến lược này, qua gần 10 năm triển khai thực hiện, ngành Nông nghiệp Nhật Bản đã có những bước tiến vững chắc.

(2) Linh hoạt trong tổ chức bộ máy hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh.

Chính phủ Nhật Bản đã lập một ủy ban chịu trách nhiệm thu hồi đất đai bị bỏ hoang và cho các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp xanh thuê với diện tích lớn để canh tác. Điều này là hợp lý và tạo điều kiện cho việc hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa.

Ở Nhật Bản, các hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức theo 3 cấp: Liên đoàn toàn quốc hợp tác xã nông nghiệp; Liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp tỉnh; Hợp tác xã nông nghiệp cơ sở. Các hợp tác xã nông nghiệp cơ sở gồm 2 loại là đơn chức năng và đa chức năng. Hiện nay, các hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng chịu trách nhiệm đối với nông dân trên tất cả các lĩnh vực dịch vụ, như: cung cấp nông cụ, tín dụng, mặt hàng, giúp nông dân chế biến, tiêu thụ sản phẩm và bảo hiểm cho hoạt động của nông dân.

(3) Xây dựng kế hoạch và mục tiêu rõ ràng cho ngành Nông nghiệp.

Để phát triển nền nông nghiệp xanh và bền vững, Chính phủ Nhật Bản đề ra mục tiêu đến năm 2030, tăng 30% công suất của các nhà máy sản xuất thực phẩm thông qua tự động hóa, đồng thời tìm nguồn cung ứng nguyên liệu nhập khẩu bền vững cho ngành

sản xuất thực phẩm. Nhật Bản đã đặt ra kế hoạch giảm lượng khí thải carbon bằng “0” vào năm 2050 và chuẩn bị tới 1 nghìn tỷ USD để đạt được mục tiêu này; tiếp tục giảm 50 % tổng lượng hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và phấn đấu tăng diện tích canh tác hữu cơ lên 1 triệu ha vào năm 2050³.

Các biện pháp khác được áp dụng tại Nhật Bản là tăng cường nông nghiệp kỹ thuật số nhằm tiết kiệm và tăng hiệu quả sử dụng nước, phân bón; tăng cường đào tạo cũng như tạo cơ hội việc làm cho lao động từ các nước đang phát triển, như: Việt Nam, Indonexia, Myanmar, Nepal, Philipines từ năm 2016 đến nay. Ngoài ra, Nhật Bản có hệ thống nghiên cứu khoa học từ trung ương đến địa phương, hằng năm đưa những công nghệ tiên tiến nhất vào sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ nông dân và các công ty sản xuất nông nghiệp.

2.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Thái Lan là quốc gia có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên với Việt Nam. Nông nghiệp thu hút khoảng 40% lực lượng lao động và đóng góp gần 10% tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Thái Lan⁴. Không chỉ là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, các nông sản khác của Thái Lan cũng có kim ngạch xuất khẩu lớn như: đường, dứa, cao su. Nhưng hiện nay, với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn chế của nguồn tài nguyên thiên nhiên, hạn chế về nhân lực, căng thẳng thương mại và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến ngành Nông nghiệp Thái Lan đang phải đối mặt với nhiều khó khăn.

Từ những yếu tố tác động tiêu cực và những khó khăn phát sinh, Chính phủ Thái Lan đã có một số chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững:

Thứ nhất, ban hành các chính sách hỗ trợ nhằm phát triển nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ là giải pháp được Chính phủ Thái Lan lựa chọn để khai thác lợi thế đặc thù về nông nghiệp và áp dụng chủ yếu đối với diện tích trồng lúa.

Chính phủ quy hoạch trên toàn quốc 8 làng nông nghiệp hữu cơ, mỗi làng sẽ phát triển một loại nông sản xuất phát từ thế mạnh và đặc điểm thổ nhưỡng của vùng. Phát triển gạo hữu cơ ở vùng Đông Bắc Thái Lan còn đi đôi với việc cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Hom Mali” và giấy chứng nhận bảo hiểm liên quan đến sản xuất hữu cơ, được áp dụng phổ biến ở các tỉnh Surin, Ubon Ratchathani Yasathorn - nơi có diện tích trồng gạo hữu cơ lớn nhất vùng, được các cơ sở công nghiệp chế biến trong vùng hỗ trợ đóng gói, hút chân không, bảo quản sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ⁵.

Bên cạnh đó, Chính phủ Thái Lan chú trọng nhiều hơn đến vai trò của những người làm nông nghiệp, khuyến khích họ tiếp cận thị trường quốc tế thông qua việc sử dụng internet để đẩy mạnh thương mại điện tử (e-commerce)...; xây dựng mạng lưới các tổ chức, viện nghiên cứu, trường đại học, những người làm nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp..., để trang bị thêm kiến thức, thông tin cho nông dân.

Thứ hai, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.

Chính phủ Thái Lan có chính sách trợ cấp ban đầu cho các nhà máy chế biến, đầu tư trực tiếp vào kết cấu hạ tầng và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; xúc tiến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các nhà máy chế biến của các hộ gia đình được khuyến khích đầu tư công nghệ hiện đại, tạo ra khối lượng lớn sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt.

Thái Lan có những chính sách tài chính hấp dẫn cho các nhà đầu tư, như: giảm thuế, ưu đãi tiền tệ, cho vay ngoại tệ..., nhằm thu hút nhiều nhất nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Chiến lược ưu tiên thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp, chế biến và phân phối hàng nông sản được Thái Lan thông qua (năm 2014) cho các doanh nghiệp áp dụng công nghệ hiện đại nhằm hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm.

2.3. Kinh nghiệm của Israel

Israel phát minh ra nhiều công nghệ nông nghiệp và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới như công nghệ tưới nhỏ giọt, tạo mưa từ mây, công nghệ khử mặn đất. Do nhận thức được sự khan hiếm nguồn nước, Israel đã tập trung tái chế nước với tỷ lệ cao nhất thế giới lên tới 70%. Israel cũng là nước duy nhất đẩy lùi sa mạc⁶. Có thể kể đến một số điểm nổi bật như sau:

(1) Chuyển đổi cơ chế trong quản lý nền kinh tế nhằm hướng tới phát triển nền kinh tế thị trường và nông nghiệp hàng hóa.

Từ năm 1985, Israel đã chuyển đổi từ cơ chế tập trung sang tư nhân hóa, cho phép sở hữu đất đai, chuyển đổi sang cơ chế thị trường, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, khuyến khích cạnh tranh, đổi mới kỹ thuật và áp dụng công nghệ hiện đại trong nông nghiệp. Đây là bước chuyển biến mang tính đột phá bắt đầu từ tư duy phát triển nông nghiệp bền vững. Israel đã phát triển hai mô hình nông nghiệp là *mô hình đại nông trại* và *mô hình làng nông nghiệp*. Số người trực tiếp làm nông nghiệp ở Israel là 2,2% dân số, tuy nhiên có tới 6,3% dân số làm trong các lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp. Mức đầu tư cho nghiên cứu nông nghiệp ở Israel là 100 triệu USD/năm, cao nhất thế giới⁷. Đặc biệt, Israel liên kết giữa các khu vực sản xuất nông nghiệp với hoạt động thương mại, dịch vụ, như: tạo ra các lễ hội nông sản để thu hút khách du lịch, quảng bá sản phẩm nông nghiệp địa phương và tăng thu nhập cho người nông dân.

(2) Chính phủ xây dựng chính sách liên kết các chủ thể để phát triển nông nghiệp xanh.

Israel đã rất thành công trong việc liên kết chặt chẽ giữa: nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và doanh nghiệp. Nhờ có sự liên kết này, người nông dân dễ dàng tiếp nhận các chính sách mới và được giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật từ đội ngũ chuyên gia. Từ đó, các nhà khoa học sẽ có các nghiên cứu mang nhiều tính khả thi hơn, các chính sách nông nghiệp mang tính thực tiễn, hiệu quả hơn. Tại Israel, mỗi khu vực nông nghiệp đều có

các phòng nghiên cứu ngay tại khu vực đồng ruộng, do đó, việc nghiên cứu từ phòng thí nghiệm tới thực tiễn được diễn ra nhanh chóng, hiệu quả. Sự ra đời của các giống cây mới, các cải tiến trong kỹ thuật tưới tiêu, bón phân liên tục được cập nhật, tạo ra hiệu ứng tích cực cho cả nền nông nghiệp Israel.

(3) Chính phủ xây dựng và điều chỉnh các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh.

Chính phủ đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, trong đó công nghệ canh tác nhà kính được xem là giải pháp chìa khóa trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đây là loại hình ứng dụng công nghệ cao, hiện đại để tạo lập ra môi trường sinh thái thuận lợi nhất cho cây trồng sinh trưởng, phát triển; sản xuất ra loại nông sản mà thiên nhiên không ưu đãi (trái vụ), thậm chí không sản xuất được ngoài môi trường tự nhiên (như sản xuất nấm mỡ trên sa mạc) để tối ưu hóa năng suất chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, tối thiểu hóa các khoản chi phí sản xuất và tiết kiệm nước.

Nhằm hỗ trợ nông dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Chính phủ Israel không ngừng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, hầu như các khâu từ canh tác đến thu hoạch, bảo quản, tiêu thụ ở Israel đều được áp dụng công nghệ này. Để hỗ trợ nông dân xuất khẩu nông sản ra thị trường thế giới, Chính phủ Israel thực hiện chủ trương đẩy mạnh thông tin quảng cáo, tiếp thị trực tiếp sản phẩm sang các thị trường tiềm năng thông qua mạng internet. Đến nay, khoảng 60% tổng sản lượng hoa sản xuất của Israel được bán trực tiếp từ nông dân cho các nhà đầu giá Tây Âu; 20% còn lại xuất sang thị trường truyền thống như Đông Âu, Hoa Kỳ và một phần sang châu Á, chủ yếu là Nhật Bản⁸.

3. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Một là, hoàn thiện hệ thống chính sách và quy hoạch phát triển nông nghiệp xanh. Việt Nam cần quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh theo lợi thế so sánh của từng địa phương và ưu tiên các vùng có tiềm năng kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái. Quy

hoạch này cần đồng bộ với các chính sách thu hút đầu tư và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tránh chồng chéo giữa các ngành.

Hai là, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Việt Nam cần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, áp dụng công nghệ AI, IoT, Big Data để giám sát mùa vụ và quản lý chuỗi cung ứng. Đồng thời, cần tăng cường đầu tư vào công nghệ thân thiện với môi trường, giảm thiểu sử dụng hóa chất và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam cần thiết lập các chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, đồng thời thu hút nhân tài trong lĩnh vực công nghệ nông nghiệp. Hợp tác với các quốc gia tiên tiến và tổ chức quốc tế cũng là một phương án để nâng cao năng lực cho người lao động và cán bộ quản lý.

Bốn là, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị. Mô hình hợp tác 4 (Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nông) là ví dụ tiêu biểu về cách phát huy tối đa hiệu quả trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Việt Nam cần đẩy mạnh vai trò của hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng các chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chuỗi giá trị gia tăng cho nông sản xuất khẩu.

Năm là, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và đô thị hóa. Việt Nam cần phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị và nông nghiệp trong nhà kính tại các khu vực đô thị hóa nhanh. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa diện tích sản xuất mà còn tạo ra các sản phẩm nông sản an toàn cho thị trường đô thị.

Sáu là, thu hút đầu tư và xây dựng cơ chế khuyến khích hợp lý. Việt Nam cần xây dựng các gói ưu đãi hấp dẫn cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp xanh, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường mới. Ngoài ra, cần chú trọng đến mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia, phát huy vai trò hợp tác xã nông

ng nghiệp, tạo thành chuỗi liên kết và gắn bó các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ, hình thành chuỗi giá trị gia tăng cao của hàng nông sản.

4. Kết luận

Quản lý nhà nước về nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh không chỉ đơn thuần là cải tiến kỹ thuật hay gia tăng sản xuất, mà còn là sự chuyển đổi toàn diện về tư duy và phương thức quản lý. Việt Nam cần học hỏi và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với đặc thù địa phương để xây dựng nền nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế. Với sự cam kết mạnh mẽ từ Nhà nước và sự tham gia chủ động của các bên liên quan, nông nghiệp xanh có thể trở thành một trụ cột quan trọng, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. □

Chú thích:

1. David Blandford (2011). *The Contribution of Agriculture to Green Growth*. Pennsylvania State University, January.

2. *Kinh nghiệm của Nhật Bản trong phát triển nông nghiệp xanh và bền vững và một số đề xuất cho Việt Nam*. <https://nonghoc.vnua.edu.vn>, ngày 27/12/2023.

3. *Kinh nghiệm của Nhật Bản về tăng trưởng xanh và giá trị tham khảo đối với một số địa phương của Việt Nam*. <https://dangcongsan.org.vn>, ngày 29/5/2024.

5. Vinh Bao Ngoc (2020). *Agricultural Development in Thailand: Experience and Implications for Vietnam*. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, Vol. 36, No. 1 (2020) 72 - 85.

4, 8. *Kinh nghiệm các nước phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp số*. <https://irt.mof.gov.vn>, ngày 17/11/2023.

6. Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thanh Minh (2022). *Cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn để phát triển chuỗi giá trị sản phẩm rau an toàn của tỉnh Thái Nguyên*. *Tạp chí Công thương*, tr. 70 - 77, số 8/2022.

7. Alon Tal (2019). *Israeli Agricultural Innovation: Assessing the Potential to Assist Small-holders*. Syngenta.